



Giáo trình kinh tế học - Joseph E. Stiglitz

cuu duong than cong. com

Chương 8: Những yếu tố ngoại lai

cuu duong than cong. com

Những yếu tố ngoại lai: Một vài phân biệt

Các nhà kinh tế phân ra một số yếu tố ngoại lai. Một số yếu tố ngoại lai tác động có lợi đối với người khác gọi là yếu tố ngoại lai tích cực; những yếu tố ngoại lai khác có tác hại gọi là yếu tố ngoại lai tiêu cực. Một hãng làm ô nhiễm không khí là gây ra ngoại lai tiêu cực đối với tất cả những người thở không khí và đối với các hãng vì máy móc của họ bị hao mòn nhanh hơn khi không khí bị ô nhiễm.

Người nuôi ong đem lại yếu tố ngoại lai tích cực cho chủ vườn táo bên cạnh: nhờ ong hút mật, số lượng ong càng nhiều táo trong vườn càng đậu nhiều. Và vườn táo cũng đem lại yếu tố ngoại lai tích cực cho người nuôi ong: táo càng nhiều trong vườn, ong càng sản xuất được nhiều mật. Mỗi cá nhân đều được lợi trực tiếp và đem lại lợi trực tiếp và đem lại lợi trực tiếp cho nhau mà không có sự bồi thường nào cả.

Một số yếu tố ngoại lai do các nhà sản xuất tạo ra; số khác do người tiêu dùng. Trong khi phần lớn ô nhiễm không khí ngày nay là ô nhiễm công nghiệp, thì nguyên nhân chủ yếu ở Victorian England lại là do đun bằng than trong các hộ gia đình. Một số người hút thuốc trong phòng không thoáng gió gây ra yếu tố ngoại lai tiêu cực mà những người không hít dễ nhận thấy. Một hãng làm ô nhiễm dòng

sông gây yếu tố ngoại lai cho cả người sống ở hạ nguồn lẫn người sản xuất có nhà máy ở hạ nguồn. Yếu tố ngoại lai, chẳng hạn như loại có ảnh hưởng đến chất lượng không khí, là yếu tố ngoại lai về môi trường, và do đó, có ảnh hưởng đến tất cả những ai sử dụng môi trường đó. Những yếu tố khác trực tiếp hơn. Nếu tôi để rác rưởi rơi vãi trên bãi cỏ thì chỉ có những người hàng xóm gần nhất cảm thấy ngay yếu tố đó.

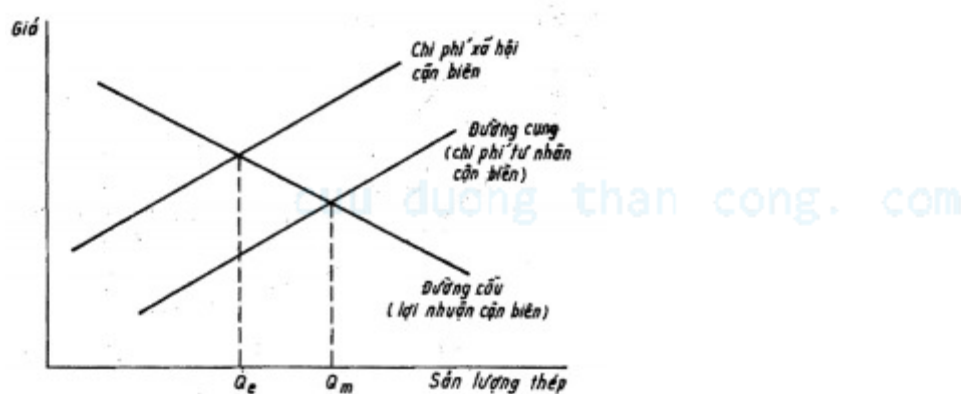
Có một loại yếu tố ngoại lai quan trọng đặc biệt gọi là những vấn đề nguồn lực chung. Đặc biệt là các nguồn lực rất khan hiếm mà việc khai thác lại không bị hạn chế. Ví dụ, một chiếc ao với những người câu cá. Sự khó khăn trong việc câu cá phụ thuộc vào số lượng người câu cá. Mỗi người câu đều gây ra yếu tố ngoại lai cho người kia.

Hậu quả của yếu tố ngoại lai

Khi có các yếu tố ngoại lai, thì việc phân bổ các nguồn lực sẽ không hữu hiệu. Mức sản xuất và chi tiêu trực tiếp cho việc kiểm soát yếu tố ngoại lai sẽ không được đúng. Ví dụ, bằng cách mở rộng các nguồn lực, một hãng có thể làm giảm mức ô nhiễm. Sẽ có các lợi ích xã hội lớn; nhưng không có động cơ cá nhân để hãng chi khoản tiền này.

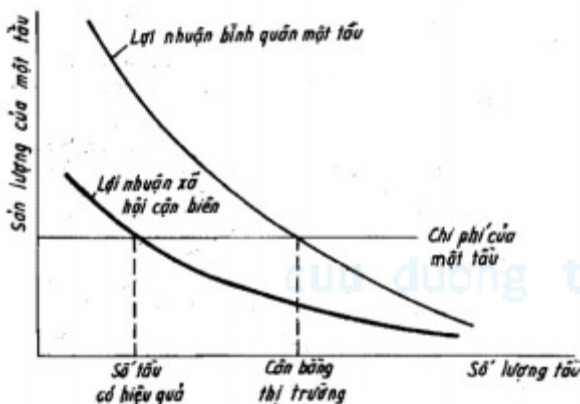
Mức sản xuất hàng hóa gây ra yếu tố ngoại lai tiêu cực quá mức. Hình 8.1 cho thấy các đường cung và cầu thông thường. Trước đây chúng tôi đã lập luận rằng khi

không có yếu tố ngoại lai, thì cân bằng thị trường nảy sinh, Q_m là hữu hiệu. Đường cầu phản ánh lợi ích gia tăng của cá nhân nhờ sản xuất thêm một đơn vị hàng hóa, và đường cung phản ánh chi phí gia tăng của việc sản xuất ra thêm một đơn vị hàng hóa. Tại điểm cắt nhau của hai đường, lợi ích cận biên bằng chi phí cận biên, mà chỉ phản ánh chi phí cá nhân cận biên thôi – do chính xác nhà sản xuất trực tiếp phát sinh ra. Nếu việc sản xuất thép làm tăng ô nhiễm, thì có chi phí thực của việc mở rộng đó cộng thêm vào chi phí quặng, lao động, than cốc, đá vôi dùng để sản xuất thép. Nhưng ngành thép đã không tính đến giá của ô nhiễm. Do đó, hình 8.1 cũng cho thấy đường chi phí xã hội cận biên, với tổng chi phí tăng thêm để sản xuất một đơn vị thép. Đường chi phí này nằm bên đường cung của hãng. Hiệu quả đòi hỏi chi phí xã hội cận biên phải tăng bằng lợi ích cận biên của việc tăng sản lượng: sản xuất diễn ra tại Q_e , là điểm cắt của chi phí xã hội cận biên và đường cầu. Mức sản lượng có hiệu quả thấp hơn mức cân bằng thị trường.



Hình 8.1: Sản xuất quá lớn gây ra yếu tố ngoại lai tiêu cực

Tương tự như vậy, trong vấn đề nguồn lực chung, lợi ích xã hội cận biên nhỏ hơn lợi ích cá nhân cận biên. Hãy xem một cái hồ với tổng số cá đánh bắt tăng lên theo số thuyền đánh cá, nhưng không theo tỉ lệ thuận, nên số lượng cá đánh bắt của mỗi thuyền giảm khi số thuyền tăng lên. Lợi ích cận biên của một chiếc thuyền thêm đó nhỏ hơn lượng cá trung bình mỗi thuyền đánh bắt được như trong hình 8.2, một số cá mà thuyền thêm bắt được lẽ ra là do thuyền khác bắt. Lợi ích cá nhân của việc một cá nhân thêm nữa quyết định có mua thêm một chiếc thuyền hay không, đơn giản là bằng lợi ích trung bình khi tất cả đã ra hồ thì tất cả các thuyền đều bắt được lượng cá như thế), mà lợi ích này lớn hơn lợi ích xã hội cận biên. Do đó, khi cân bằng thị trường tư nhân có lợi ích trung bình bằng chi phí của một chiếc thuyền, thì hiệu quả xã hội đòi hỏi lợi ích xã hội cận biên bằng chi phí của một chiếc thuyền.



Hình 8.2: Vấn đề nguồn lực chung dẫn đến đánh bắt cá quá nhiều

Do đó, có giả định rằng khi có các yếu tố ngoại lai thì cân bằng thị trường sẽ không hiệu quả.

Những giải pháp tư nhân đối với các yếu tố ngoại biên

[Định lý Coase](#)

Như chúng tôi đã trình bày, các yếu tố ngoại lai nảy sinh khi các cá nhân không phải trả giá cho toàn bộ hậu quả của các hành động của họ. Bắt cá quá nhiều trên một cái hồ vì mọi người không phải trả tiền để được câu ở đó. Có thể giải quyết các vấn đề yếu tố ngoại lai bằng cách cấp quyền sở hữu tài sản. Các quyền sở hữu tài sản được giao cho một người cụ thể để kiểm soát một số tài sản và thu lệ phí sử dụng tương ứng. Bởi vì không ai có quyền sở hữu để kiểm soát việc tiếp cận với giếng dầu, cho nên quá nhiều giếng dầu đã được khoan. Khi đã có người kiểm soát giếng dầu, người đó có động cơ xác định chắc chắn sẽ được khoan cho thích hợp. Vì hiệu quả kinh tế được nâng cao bởi chính việc có được sự kiểm soát của một hãng cụ thể đối với toàn bộ bể dầu, cho nên mọi hãng có thể mua đất xung quanh trên bể dầu và quay vòng lấy lãi. Về mặt này, không cần một sự can thiệp nào bên ngoài nào để đảm bảo nên có cách giao quyền sở hữu nào là hữu hiệu.

Ngay cả khi các quyền về nguồn lực chung chưa được giao cho một người cụ thể, thị trường vẫn có thể tìm được cách giải quyết yếu tố ngoại lai một cách có hiệu quả. Các chủ của các giếng dầu thường tập hợp lại để hợp nhất sản xuất nhằm giảm bớt số lượng giếng dầu đang được khoan. Những người đánh cá cũng có thể làm như vậy để thống nhất cách quy định không được đánh bắt quá nhiều.

Việc xác định xem có các yếu tố ngoại lai hay không, các bên liên quan có thể liên kết lại và thỏa thuận, và bằng cách đó nội bộ hóa các yếu tố ngoại lai và tính hiệu quả được đảm bảo, được gọi là Định lý Coase.

Ví dụ, khi có người hút thuốc và người không hút thuốc trong một phòng, nếu thiệt hại của người không hút thuốc cao hơn của người hút thì những người không hút có thể tập hợp lại và “mua chuộc” để những người kia không hút. Nếu những người hút thuốc vào khoang tàu không được hút thuốc và việc cấm hút thuốc làm cho người hút thuốc thiệt hơn, người không hút thuốc có lợi, khi đó những người hút thuốc tập hợp lại tìm cách “bồi thường” người không hút để cho phép họ hút.

Tất nhiên điểm khác nhau đối với những tác động phân phối yếu tố ngoại lai; người hút thuốc rõ ràng là được lợi hơn trong điều kiện được phép hút nếu người hút chưa được trả tiền để thôi không hút nữa, so với điều kiện bị cấm hút khi họ chưa phải bồi thường cho người không hút.

Sự trừng phạt của xã hội

Ví dụ về yếu tố ngoại lai liên quan đến hút thuốc có thể dùng để minh họa cho một cơ thể khác nhằm kiểm soát các yếu tố ngoại lai: sự trừng phạt và ghi nhớ các giá trị xã hội. Quy tắc vàng ngọc có thể đã được nghĩ ra nhằm giải quyết các vấn đề yếu tố ngoại lai: “đối xử với người khác phải như mình muốn họ đối xử với mình”. Điều ngược lại cũng rất quan trọng: “đừng đối xử với người khác như mình không muốn họ đối xử với mình”.

Có thể dịch đại thể điều đó bằng ngôn ngữ của các nhà kinh tế học là “hãy tạo ra những yếu tố ngoại lai tích cực” và “đừng gây ra những yếu tố ngoại lai tiêu cực”. Cũng giống như trẻ em, chúng ta đều ý thức được rằng có một số hoạt động, như việc nói to ở bàn ăn, sẽ ảnh hưởng đến người khác, mà bản thân chúng ta không phải trả giá, ít nhất trả trực tiếp, dưới hình thức bồi thường bằng tiền. Tuy nhiên, có những hình thức phạt khác. Cha mẹ thường bắt con cái hành động một cách “được xã hội chấp nhận” kể cả việc thường không gây những yếu tố ngoại lai tiêu cực và chỉ có yếu tố ngoại lai tích cực. Mặc dù quá trình xã hội hóa thành công trong việc tránh được những yếu tố ngoại lai tiêu cực ở cấp gia đình, quá trình đó ít thành công trong việc giải quyết nhiều loại yếu tố ngoại lai nảy sinh trong xã hội hiện đại: ngay cả việc dọa phạt 200 đô la đối với việc tiểu tiện bậy cũng không thể buộc

một số người dọn sạch ngay sau khi họ có hành vi ấy ở công viên. Không thể chỉ dựa vào các cơ chế xã hội để hạn chế các yếu tố ngoại lai.

Thất bại của những giải pháp tư nhân

Nếu như lập luận khẳng định thị trường tư nhân có thể nội bộ hóa các yếu tố ngoại lai là đúng, thì chính phủ có cần thiết phải can thiệp không? Và nếu những lập luận đó đúng thì tại sao những thỏa thuận hợp tác lại thất bại khi quan tâm giải quyết nhiều loại yếu tố ngoại lai?

Về cơ bản, có 3 lý do để chính phủ can thiệp. Một là giải quyết vấn đề [HHCC](#) mà chúng tôi đã trình bày ở Chương 5. Nhiều (nhưng còn xa mới là tất cả) yếu tố ngoại lai đòi hỏi phải có HHCC, chẳng hạn như không khí, nước sạch: cụ thể là việc loại trừ một người nào đó ra khỏi việc hưởng các loại hàng hóa này có thể rất tốn kém. Những người không hút thuốc phải hợp lại bồi thường cho người hút thuốc để họ không hút nữa. Người không hút sẽ được bao nhiêu để nói rằng anh ta gần như thờ ơ với việc để cho người khác hút. Anh ta sẽ cố làm người ăn không nhờ vào nỗ lực của những người không hút thuốc khác, để buộc những người hút không hút nữa.

Vấn đề của việc tự nguyện đạt đến một giải pháp hữu hiệu trở nên trầm trọng do thông tin không đủ. Những người hút thuốc sẽ cố thuyết phục đối phương rằng họ

cần nhiều bồi thường để họ thôi hút. Trong mọi tình huống mặc cả như vậy, một bên có thể phải chịu rủi ro về khả năng không đạt được sự nhất trí để có được lợi ích nhiều hơn từ cuộc mặc cả đó.

Có thể nảy sinh vấn đề ngay cả khi thị trường đã được hình thành tốt đẹp.

Lý do thứ hai để chính phủ can thiệp liên quan đến chi phí giao dịch. Những chi phí để tập hợp các cá nhân nhằm nội bộ hóa những yếu tố ngoại lai một cách tự nguyện là rất lớn. Bản thân việc đảm bảo các dịch vụ tổ chức đó đã là HHCC.

Thực vậy, chính phủ có thể được coi đúng như là một cơ chế do các cá nhân dựng lên để giảm thiệt hại về phúc lợi do các yếu tố ngoại lai gây ra.

Lý do thứ ba của việc các thị trường hiện hữu có thể không giải quyết được một cách toàn diện các vấn đề yếu tố ngoại lai là vì các quyền tài sản đã được đưa ra thường gây ra phi hiệu quả. Nhiều quyền tài sản hiện hữu được hình thành không thông qua hệ thống pháp luật mà thông qua cái gọi là luật chung. Khi một người gây ra yếu tố ngoại lai cho người khác, người bị hại kiện người kia. Đôi khi vụ kiện đó thành công, đôi khi không. Qua năm tháng, bộ luật quyền tài sản và các quy định được hình thành, định ra một phương cách khá rõ ràng mà theo đó người phải chịu yếu tố ngoại lai có thể kiện với hy vọng sẽ thành công, và cũng biết khi nào thì không thành công. Ví dụ, nếu người không hút thuốc bị ho do một người

nghiện hút trong khoang tàu nơi người đó ngồi thì anh ta không thể kiện người hút thuốc với hy vọng thắng.

Một số người lập luận rằng việc quyền tài sản được giao như thế nào ít quan trọng hơn là việc giao được xác định rõ ràng. Trong những ví dụ nêu trên, với các quyền tài sản được xác định rõ, bên bị thiệt hại do các yếu tố ngoại lai có thể đã bị mua chuộc bên kia nếu việc đó đáng giá với anh ta.

Lợi thế của việc sử dụng chính phủ làm phương tiện giả quyết các vấn đề yếu tố ngoại lai là tiết kiệm được các chi phí giao dịch và tránh được những vấn đề người ăn không thường liên quan đến HHCC.

Những phương cách cứu chữa công cộng đối với các yếu tố ngoại lai

Các biện pháp xử phạt

Đa số các nhà kinh tế nghiêng về sử dụng các biện pháp xử phạt để giải quyết những vấn đề phi hiệu quả mà yếu tố ngoại lai tiêu cực gây ra: những người gây ra ô nhiễm không khí hoặc nước phải nộp phạt.

Nguyên tắc cơ bản của việc áp dụng các hình thức phạt để kiểm soát ô nhiễm rất đơn giản: nói chung, khi có yếu tố ngoại lai là có chênh lệch giữa chi phí cho xã hội và chi phí cá nhân, và giữa lợi ích cho xã hội và lợi ích cá nhân. Phạt được tính cho cá nhân và hăng đúng theo chi phí và lợi ích xã hội do hành vi của họ gây ra.

Các loại thuế (có thể được coi như tiền phạt) và trợ cấp được quy định để hạn chế bớt ảnh hưởng của các yếu tố ngoại lai, làm cho chi phí tư nhân cận biên bằng chi phí xã hội cận biên và làm cho lợi ích tư nhân cận biên bằng lợi ích xã hội cận biên, được gọi là thuế.

Ví dụ, như chúng ta đã trình bày trước đây, về hãng thép gây ô nhiễm không khí. Chúng tôi đã chỉ ra rằng hãng chỉ quan tâm đến chi phí tư nhân cận biên của mình mà không chú ý đến chi phí xã hội cận biên (hai chi phí này chênh lệch nhau bằng chi phí cận biên của ô nhiễm), cho nên sản lượng thép có thể sẽ cao quá mức. Bằng cách bắt hãng nộp lệ phí bằng khoản chi phí cận biên của ô nhiễm, thì chi phí tư nhân cận biên và chi phí xã hội cận biên sẽ bằng nhau.. com

Các khoản phạt cũng phải đảm bảo để hãng chi một khoản có lợi cho xã hội vào việc chống ô nhiễm. Giả định rằng, có chi phí xã hội cận biên nhất định đối với các hãng theo mỗi đơn vị ô nhiễm. Việc giảm bớt ô nhiễm vốn rất tốn kém; với mọi mức sản lượng thì việc giảm ô nhiễm lại tốn kém hơn. Chúng tôi giả định rằng chi phí cận biên của việc kiểm soát ô nhiễm cũng tăng lên. Hiệu quả xã hội đòi hỏi lợi ích xã hội cận biên liên quan đến các khoản chi vào chống ô nhiễm tiếp theo bằng chi phí xã hội cận biên. cuu duong than cong. com

Tương tự như vậy, trong các trường hợp các yếu tố ngoại lai tích cực chính phủ nên áp dụng trợ cấp.

Quy chế

Ngoài việc sử dụng chế độ phạt hoặc trợ cấp để chống ô nhiễm, chính phủ thường áp dụng các quy chế để hạn chế những yếu tố ngoại lai tiêu cực. Chính phủ đã đề ra các tiêu chuẩn chất thải ô tô. Chính phủ đã đề ra những quy định cụ thể liên quan đến thải hóa chất độc hại. Chính phủ yêu cầu hàng không và đường sắt phải quy định những chỗ cho người không hút thuốc. Chính phủ đã áp dụng các luật yêu cầu các công ty dầu lửa có các giếng ở trong cùng một bể dầu phải đồng bộ hóa sản xuất của họ. Chính phủ áp dụng những quy định về đánh bắt cá và săn bắn nhằm giảm bớt những phi hiệu quả liên quan đến việc sử dụng quá mức các nguồn lực chung này. Những ví dụ minh họa các hình thức khác nhau của điều tiết.

Trong trường hợp ô nhiễm, chúng ta nên phân biệt giữa hai loại điều tiết quan trọng: nhưng loại quy chế định việc giám sát, quản lý mức độ ô nhiễm và các hãng không được vượt qua mức ô nhiễm nhất định; và những quy chế mà chính phủ dùng để điều tiết quá trình sản xuất – đó là các quy chế đầu vào. Ví dụ, chính phủ có thể không cho phép khai thác một số tầng than nào đó; hoặc yêu cầu các hãng sử dụng máy lọc hơi đốt và các phương tiện chống ô nhiễm khác; hoặc yêu cầu hãng xây dựng ống khói với độ cao nhất định.

Khi dễ dàng kiểm soát mức độ ô nhiễm trực tiếp, nên đưa ra quy chế về đầu vào. Điều mà xã hội quan tâm là mức ô nhiễm chứ không phải là ô nhiễm gây ra theo cách nào. Hãng biết cách làm giảm mức độ ô nhiễm hơn là chính phủ. Chính phủ chủ yếu dựa vào cá quy định về đầu vào, bởi vì trong số trường hợp việc kiểm soát đầu vào có thể dễ hơn việc tính mức độ ô nhiễm. Nhưng đây chưa phải là lời giải thích đầy đủ: việc lựa chọn phương pháp điều tiết cũng bị ảnh hưởng của những tác động chính trị như chúng ta sẽ thấy sau này.

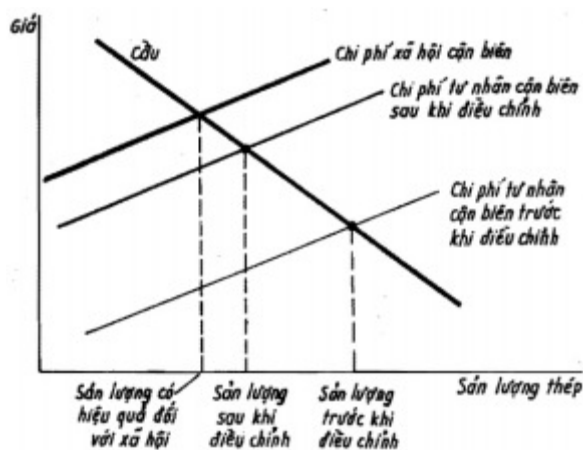
So sánh hình thức phạt và điều tiết

So sánh giữa việc sử dụng điều tiết và các hình thức phạt tương ứng với sự so sánh giữa sử dụng các biện pháp kiểm soát trực tiếp (hệ chỉ huy) và giá cả trong việc vận hành nền kinh tế.

Ở chương 3, chúng tôi đã trình bày về cách thức sử dụng hệ thống giá (khi không có các yếu tố ngoại lai) để thực hiện phân phối hữu hiệu các nguồn lực. Không chỉ cần phải có hiệu quả Pareto trong cân bằng cạnh tranh mà mọi phân phối nguồn lực có hiệu quả Pareto phải được duy trì thông qua cơ chế giá cạnh tranh đảm bảo để những công việc chuyên giao thích hợp được thực hiện. Tất nhiên, có thể phân bổ nguồn lực tương tự đơn giản bằng cách chính phủ đưa ra một loạt mệnh lệnh.

Trong những tình huống khi không có chi phí giám sát, không có chi phí và lợi ích liên quan đến ô nhiễm đều rõ ràng, thì chính phủ có thể thực hiện điều tiết mọi cái thông qua các hình thức phạt. Do đó, nếu hiệu quả xã hội đòi hỏi không quá một số

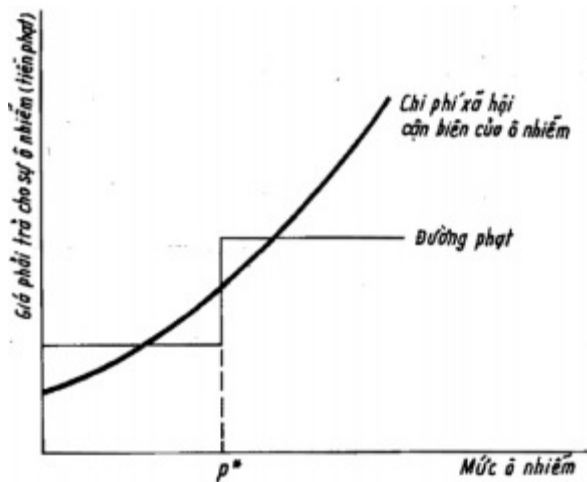
lượng đơn vị nào đó ô nhiễm thêm vào không khí trên một tấn thép được sản xuất ra, thì chính phủ có thể quy định điều đó thành một quy chế hơn là định ra mức tiền phạt.



Hình 8.8: Tính hiệu quả khi có điều chỉnh giảm ô nhiễm

Khi áp dụng những quy chế đầu vào, thì người điều tiết chỉ có thể đạt được mức chi tiêu hữu hiệu đối với việc chống ô nhiễm thôi. Nhưng mức sản lượng hiệu quả của loại hàng hóa gây ô nhiễm lại không đạt được. Do đó, quy chế có một khiếm khuyết giống như các khoản trợ cấp để chống ô nhiễm, chỉ có điều là mức độ nhỏ hơn thôi. Trong hình 8.8, chúng tôi đã thể hiện các quy chế làm cho chi phí tư nhân gia tăng gần bằng nhưng vẫn không bằng chi phí xã hội cận biên, do đó vẫn còn sản xuất ra nhiều hàng hóa gây ô nhiễm.

Biểu tiền phạt phi tuyến



Hình 8.9: Điều chỉnh và phạt phi tuyến

Biểu tiền phạt phi tuyến bao gồm tiền phạt phụ thuộc vào mức ô nhiễm. Hệ thống đơn giản này được thể hiện ở hình 8.9. Theo hình này, mức tiền phạt đối với các loại ô nhiễm đạt tới P^* là thấp, nhưng đối với ô nhiễm cao hơn, thì mức tiền phạt đối với mỗi đơn vị ô nhiễm sẽ rất cao. Thật lý tưởng nếu thấy hãng có chi phí cận biên như hình của biểu ô nhiễm như trong hình 8.9. Khi đó, tại mỗi mức ô nhiễm, hãng sẽ có chi phí xã hội cận biên thực. Biểu tiền phạt có hai mức được trình bày ở hình có thể coi là gần đúng với hàm chi phí xã hội cận biên. Nếu công nghệ kiểm soát ô nhiễm làm cho mức ô nhiễm giảm xuống rất thấp, thì biểu gần đúng sẽ làm cho chi phí kiểm soát ô nhiễm quá cao; nếu ngược lại, công nghệ kiểm soát ô nhiễm làm cho mức ô nhiễm tăng lên rất cao thì mức gần đúng sẽ làm cho chi tiêu vào kiểm soát ô nhiễm quá ít.

[Lựa chọn giữa hình thức phạt, trợ cấp và quy chế](#)

Từ trước đến giờ chúng ta mới chỉ đề cập đến yếu tố ngoại lai tiêu cực, thì có thể đạt được các phương án phân bổ nguồn lực có hiệu quả Pareto bằng áp dụng hệ thống phạt, chứ không phải bằng quy chế hoặc trợ cấp.

Mặt khác, những hệ thống khác nhau đem lại những tác động phân phối khác nhau.

Các hãng (cũng như khách hàng và công nhân của họ) chịu tác động của các hình thức phạt một cách khác hẳn với quy chế và lợi ích mà trợ cấp đem lại. Về nguyên tắc, mặc dù những người được lợi nhờ áp dụng hệ thống phạt có thể bù đắp cho những người bị thiệt thòi, nhưng trên thực tế ít khi thực hiện được những khoản bù đắp này. Những điểm khác nhau có thể rất lớn trong những tác động phân phối của các chương trình khác nhau rất nhạy cảm đối với những tranh luận đã nổi lên về hệ thống chống ô nhiễm thích hợp. Nhưng vẫn còn có những vấn đề khác như: 1)

Những phương pháp khác nhau có các chi phí giao dịch khác nhau khi thực hiện một cách có hiệu quả; 2) Cần có những thông tin khác nhau để thực hiện chúng một cách có hiệu quả; 3) Những phương pháp này khác nhau về cách thực hiện khi có khả năng biến đổi hoặc sự không ổn định về chi phí và lợi ích; 4) Chúng có thể khác nhau về mức độ dễ dàng trong việc vận dụng để phục vụ các nhóm lợi ích khác nhau.

Chi phí giao dịch

Các chế độ về quy chế và phạt đòi hỏi phải có các cách thức điều hành và giám sát khác nhau từ phía chính phủ. Cả hai chế độ này đều không phải là vì lợi ích của công ty thép khi công nó đã gây ra bao nhiêu ô nhiễm. Cũng không vì lợi ích của bất kỳ người sử dụng thép nào (trong thị trường cạnh tranh), bởi vì mọi hình phạt được áp dụng là do mức ô nhiễm quá cao, hoặc vì mọi khoản chi tiêu vào các phương tiện kiểm soát ô nhiễm suốt các quy chế đã được ban hành đồng thời cho người sử dụng. Và nếu việc kiểm soát là vì lợi ích của người tiêu dùng, nếu việc kiểm soát đó lại tốn kém, thì không ai muốn làm việc đó cả. Chúng ta có vấn đề hàng hóa công cộng cổ điển. Gánh nặng của việc kiểm soát, giám sát phải do chính phủ làm rõ xem hàng có vượt quá mức quy định về ô nhiễm hay không. Việc này ít tốn kém hơn nhiều so với việc xác định mức ô nhiễm chính xác mà chế độ phạt đòi hỏi.

Những đòi hỏi về thông tin

Tương tự, những hệ thống kiểm soát yếu tố ngoại lai khác nhau đòi hỏi những thông tin khác nhau để thực hiện những hệ thống đó. Có lẽ sẽ rất thích hợp nếu giả định rằng chính phủ đã có dự trù phải chăng về chi phí xã hội cận biên liên quan đến ô nhiễm. Nhưng có thể chính phủ không được thông tin đầy đủ về công nghệ chống và kiểm soát ô nhiễm, ít nhất là không được thông tin đầy đủ như các hãng tư nhân. Điều này rất đúng trong trường hợp các phương tiện kiểm soát ô nhiễm

chưa được phát triển. Không phía nào có đầy đủ thông tin: cả hai đều chỉ phỏng đoán, nhưng vì các nhà sản xuất biết về công nghệ trong ngành của họ hơn chính phủ, nên sự phỏng đoán của họ tỏ ra đúng hơn. Những nhà sản xuất tư nhân không có động cơ để tiết lộ thông tin của họ cho chính phủ, mà họ có lý do để cố thuyết phục chính phủ tin rằng rất khó đưa ra một phương tiện chống ô nhiễm để có thể đáp ứng yêu cầu của các quy định nghiêm ngặt của chính phủ. Nếu chính phủ không đưa ra những quy định nghiêm ngặt mà cho phép các hãng trong vài năm nữa mới đưa ra công nghệ, thì các hãng không bị ép buộc phải tuân thủ: họ có thể cho rằng khi thời hạn cho phép đã hết, nếu công nghệ vẫn chưa có thì chính phủ cũng không thể đóng cửa ngành đó.

Sự biến thiên trong chi phí cận biên và lợi ích cận biên của kiểm soát ô nhiễm

Chi phí của kiểm soát ô nhiễm (và lợi ích) sẽ khác nhau ở các nơi, các thời gian và các hãng. Lợi ích xã hội cận biên của kiểm soát ô nhiễm ở Los Angeles rất khác với ở Montana. Chi phí kiểm soát ô nhiễm một loại than này có thể khác cá loại than khác. Về mặt nguyên tắc, các quy chế này hay chế độ phạt kia cần phải nhận thức những điểm khác nhau này. Do đó, cần có các loại quy chế khác nhau đối với các hoàn cảnh, mức phạt khác nhau, đối với mỗi cộng đồng, mỗi hãng, mỗi điểm thời gian. Những đòi hỏi về thông tin để thực hiện hệ thống cụ thể này là rất lớn. Trên thực tế, điều đó buộc phải có các loại quy định khác nhau thích ứng với các

điều kiện luôn thay đổi. Ở những địa phương cho rằng chi phí xã hội cận biên tại địa phương lớn hơn, thì nên có các quy định của địa phương bổ sung vào những quy định chung này. Bằng cách ấy California đã có những quy định rất nghiêm ngặt về ô nhiễm của ô tô so với ở các bang và địa phương khác trong nước, bởi vì có xu thế là ô nhiễm của ô tô kết hợp với không khí ẩm của Thái Bình Dương sẽ gây sương mù trong thành phố.

Chính trị học và sự lựa chọn hình thức sửa đổi các yếu tố ngoại lai

Vì chi phí về các quy định đối với các hãng không lớn lắm, nên mức độ của các quy chế là đối tượng xem xét về mặt chính trị. Hình thức của các quy chế không chỉ chịu tác động của chi phí kinh tế, mà còn chịu tác động về quyền lực của các nhóm lợi ích đặc biệt bị các quy định chi phối. Nhóm lợi ích có quyền lực chính trị có thể ngăn chặn một tập hợp các quy định có thể áp dụng và làm cho nhóm bị suy yếu.

Những vấn đề liên quan đến đền bù

Trong khi hệ thống phạt có thể có hiệu quả Pareto, thì không phải tất cả mọi người đều được lợi với chế độ phạt so với hai chế độ khác – trợ cấp hoặc quy chế. Tuy nhiên, về nguyên tắc, những người được lợi lại được đền bù nhiều hơn người bị

thiệt. Khó khăn là ở chỗ ít khi thực hiện được việc đền bù; trong nhiều trường hợp, rất khó xác định được ai sẽ là người được đền bù.

Nói chung trong quá trình xác định để bồi thường đối với các yếu tố ngoại lai, những vấn đề tương tự thường nảy sinh. Ví dụ, một nhà máy thép làm ô nhiễm không khí vùng xung quanh. Những người sống ở gần nhà máy chắc chắn bị hại do ô nhiễm gây ra. Nhưng nếu nhà máy thép được xây dựng trước khi họ mua nhà thì giá mua sẽ phải phản ánh thực tế là không khí ở đó bị ô nhiễm; họ sẽ trả tiền mua ít hơn bình thường. Người phải chịu thiệt chính là người chủ của ngôi nhà khi nhà máy thép được xây dựng nên (hoặc khi nhà máy được công bố sẽ xây dựng ở đó). Hoặc, giả sử rằng trước khi nhà máy thép được xây dựng, nhà ở đó đã có rồi. Trong trường hợp này thì người bị thiệt là người chủ đất. Nhưng vì đất đai ở gần nhà máy, nên cũng có thể gia tăng giá trị đất cao hơn thiệt hại do ô nhiễm gây ra. Khi giá trị tài sản (như đất đai) tăng lên hoặc giảm xuống nhằm phản ánh sự đền bù xung quanh (mức độ không khí trong lành, địa điểm gần gũi), thì chúng tôi coi giá trị bồi thường đó đã được vốn hóa.

Chỉ có người tiêu dùng sản phẩm của ngành gây ô nhiễm, người chủ tư bản trong ngành đó và người hít thở không khí ở gần hãng gây ô nhiễm là chịu ảnh hưởng của hệ thống kiểm soát ô nhiễm. Công nhân cũng có thể bị tác động. Việc áp dụng hệ thống tiền phạt có thể làm cho một số nhà máy phải đóng cửa. Công nhân của

các nhà máy đó bị thất nghiệp. Họ phải chịu tổn kém để tìm việc khác. Nếu chi phí tìm việc khác và chuyển chỗ ở không lớn lắm thì họ không bị tác động xấu; nhưng trong nhiều trường hợp những chi phí này rất lớn, và bồi thường thất nghiệp chỉ đỡ được một phần gánh nặng của họ. Do đó, về nguyên tắc, nếu phải áp dụng chế độ phạt thì họ sẽ được bồi thường.

Các biện pháp pháp lý đối với các yếu tố ngoại lai

Việc sử dụng luật pháp để giải quyết các yếu tố ngoại lai có một lợi thế rất lớn. Chính vì dựa vào chính phủ để đảm bảo cho các yếu tố ngoại lai không xảy ra mà phía chịu thiệt hại là những người có quyền lợi trực tiếp, thường đứng ra lãnh nhận trách nhiệm thực thi luật pháp. Rõ ràng đây là điều hữu hiệu hơn về mặt thông tin, vì có thể bên bị thiệt hại biết rõ tác hại đó xảy ra hơn chính phủ.

Tuy nhiên, để có hiệu quả, các quyền tài sản phải được đề ra và phải được xác định thống nhất. Do đó không thể sử dụng hệ thống luật pháp để giải quyết các yếu tố ngoại lai mà chúng tôi đã nêu liên quan đến các nguồn lực chung. Theo định nghĩa, không ai có thể loại trừ những người khác sử dụng các nguồn lực chung này, và đo cũng chính là cái gây ra yếu tố ngoại lai. Quá trình để hình thành các quyền về tài sản thông qua hệ thống pháp luật không phải là lý do để hình thành bộ luật về quyền tài sản có thể giải quyết tất cả các vấn đề liên quan đến yếu tố ngoại lai nảy sinh trong xã hội hiện đại. Tuy nhiên, hệ thống pháp luật có hai lợi thế quan trọng

so với các phương pháp khác để xác định quyền tài sản thông qua luật pháp. Nó không nhạy cảm lắm với áp lực của nhóm lợi ích và toàn bộ sự phức tạp của các loại yếu tố ngoại lai xảy ra trên thực tế thường được làm sáng tỏ thông qua quá trình xét xử.

Quá trình giải quyết liên quan đến yếu tố ngoại lai có 5 hạn chế. Một là, việc kiện tụng tốn kém rất lớn. Tất nhiên là không rõ chi phí đó có lớn như chi phí hành chính của việc ban hành hệ thống quy chế hoặc phạt hay không. Đối với nhiều yếu tố ngoại lai, những thiệt hại có thể là quá nhỏ so với giá trị chi phí hành chính của việc ban hành hệ thống quy chế hoặc phạt hay không. Đối với nhiều loại yếu tố ngoại lai, những thiệt hại có thể là quá nhỏ so với giá trị chi phí của việc giải quyết theo bất cứ hệ thống nào. Vì những thiệt hại đó do công chúng và xã hội chịu nếu áp dụng chế độ quy chế và phạt, còn tư nhân chịu trong chế độ đưa ra hệ thống tư pháp, cho nên việc quyết định xem có nên loại bỏ yếu tố ngoại lai hay không sẽ có hiệu quả hơn theo chế độ tư pháp, nhưng không có hiệu quả hơn theo chế độ tư pháp nhưng sẽ không có hiệu quả đối với các hệ thống khác.

Hai là, vì những người gây ra yếu tố ngoại lai biết rằng việc kiện tụng rất tốn kém, cho nên họ sẽ gây ra chúng cho đến mức mà bên bị hại phải tốn kém nếu đi kiện. Đó chính là lý do gây phi hiệu quả. Có một cách để giải quyết vấn đề này là áp dụng những khoản thiệt hại tương tự như hệ thống thiệt hại ba bên như trong

trường hợp chống độc quyền; đó là khi hãng tỏ ra có hành vi cạnh tranh và gây mất mát thiệt hại về lợi nhuận cho các đối thủ cạnh tranh của mình, thì hãng đó phải đền bù cho bên bị thiệt hại một khoản bằng khoản được coi là do hãng đó gây ra. Đối với ô nhiễm, chế độ này có thể đảm bảo để các hãng không gây ra yếu tố ngoại lai làm thiệt hại hơn 1/3 chi phí kiện cáo.

Ba là, thường không xác định được mức thiệt hại và thường không có sự rõ ràng về kết quả của hầu hết các vụ kiện. Nếu chi phí kiện lớn thì sự không chắc chắn lại là một trở ngại nữa đối với những người sử dụng hệ thống tòa án để giải quyết vấn đề yếu tố ngoại lai.

Bốn là, chi phí cao trong kiện cáo và kết quả không chắc chắn của quá trình xử kiện có nghĩa là, trên thực tế, có sự phân biệt trong việc tiếp cận chế độ pháp luật và các chế độ này mâu thuẫn với những gì chúng ta hiểu về hệ thống tư pháp.

Cuối cùng là, trong nhiều trường hợp có nhiều bên bị hại, không một ai chịu đựng nỗi khoản mất mát đủ lớn để đáng đi kiện, nhưng các bên bị hại cùng chịu chung những thiệt hại đủ lớn có thể được bồi thường khi họ đi kiện. Một lần nữa lại có các vấn đề người ăn khôn. Sẽ phải trả giá, nếu ai đó để cho người khác phải đệ đơn kiện, và nếu họ thắng thì người đó có thể tự đứng bên nguyên bằng cách sử dụng những phát hiện trước đây của chính mình như là tiền lệ. Việc đó sẽ giúp giảm chi phí kiện cáo xuống rất nhiều.

Hệ thống pháp luật muốn giải quyết vấn đề người ăn không rất quan trọng này bằng cách tạo ra một loại kiện gọi là kiện cáo cho nhóm hành động. Luật sư lập hồ sơ kiện thay cho toàn bộ nhóm người bị hại. Nếu thành công, luật sư sẽ thu lệ phí của tất cả mọi người trong nhóm, tất cả những người được lợi từ quyết định của tòa án. Không có sự nhất trí về cách vận hành tốt nhất của hệ thống này, cụ thể là không một người bị hại nào có thể kiểm soát được chi phí cho tư pháp, và những chi phí này thường khá lớn (hoặc ít nhất cũng bằng mức mà các bên bị hại đòi hỏi; các luật sư thì cho rằng mức chi phí cao tùy thuộc bản chất của các sự kiện).

Nói tóm lại, hệ thống pháp luật là một khung khổ có thể giải quyết các loại yếu tố ngoại lai nhất định. Hệ thống đó cũng là một phương tiện sửa chữa quan trọng đối với một số yếu tố ngoại lai không được giải quyết một cách triệt để bằng một số biện pháp đã được thảo luận trong chương này.

cuu duong than cong. com